BẢN TIN ĐỊNH KỲ

Tháng 03+04 năm 2021

HIỂU ĐÚNG LÀM ĐÚNG

KẾT NỐI – SẺ CHIA – LAN TỎA

LƯU HÀNH NỘI BỘ

SÀI GÒN

BIÊN TẬP

Ban Thư ký
Chi hội Kế toán
Hiểu đúng – Làm đúng

Kiểm duyệt nội dung

LS. Huỳnh Di Hùng, Ban Cố vấn
ThS.Nguyễn Ngọc Phương Ngân, TB. Tư vấn

Hotline
091 449 3456

PHẦN I:
Tổng hợp các văn bản có hiệu lực từ tháng 3+4 năm 2021

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
A. NGHỊ ĐỊNH			
I	Nghị định 44/2021 hướng dẫn các khoản đóng góp Covid-19 được trừ khi tính thuế TNDN.	31/03/2021	Áp dụng kỳ tính thuế 2020,2021
II	Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư	26/03/2021	26/03/2021
III	Nghị định 18/2021/NĐ-CP sửa Nghị định 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.	11/03/2021	25/04/2021
B. QUYẾT ĐỊNH			
I	Quyết định 406/QĐ-TTg Danh mục dịch vụ công trực tuyến năm 2021	22/03/2021	22/03/2021
II	Quyết định 1666/QĐ-BHXH ban hành Mẫu thẻ bảo hiểm y tế.	03/12/2020	01/04/2021
III	Quyết định 10/2021/QĐ-TTg tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.	16/03/2021	30/04/2021
C. THÔNG TƯ			
I	Thông tư 30/2020/TT-BYT hướng dẫn Nghị định 146/2018 về Bảo hiểm y tế.	31/12/2020	01/03/2021
II	Thông tư 03/2021/TT-BTC miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với doanh nghiệp khoa học, công nghệ.	11/01/2021	01/03/2021

PHẦN II:
Tóm tắt một số nội dung chính

A. NGHỊ ĐỊNH

I. Nghị định 44/2021 hướng dẫn các khoản đóng góp Covid-19 được trừ khi tính thuế TNDN.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc vừa ban hành Nghị định số 44/2021/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19.

Nghị định này áp dụng với tổ chức, doanh nghiệp là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có khoản chi ủng hộ tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam.

Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, Đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở Trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch COVID-19 các cấp; Cổng thông tin điện tử nhân đạo Quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 đã tiếp nhận.

Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31/3/2021 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 và năm 2021

(Nguồn tham khảo: https://vietnamplus.vn)

II. Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư

Ngày 26/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 31/2021/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2020. Nghị Định 31 điều chỉnh các vấn đề sau:

- Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư về điều kiện đầu tư kinh doanh; ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; bảo đảm đầu tư kinh doanh; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục đầu tư; hoạt động đầu tư ra nước ngoài; xúc tiến đầu tư; quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài.
- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các hình thức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư; hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí; thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội và giám sát, đánh giá đầu tư được quy định tại các Nghị định riêng của Chính phủ

Nghị định này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm

quyền; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Theo Nghị định 31, nhà đầu tư phải ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Mức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án đầu tư như sau: Mức bảo đảm là 3% đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng; 2% đối với phần vốn trên 300-1000 tỷ đồng; trên 1000 tỷ đồng, mức bảo đảm là 1%...

Nghị định 31/2021/NĐ-CP chính thức có hiệu lực từ ngày ký 26/3/2021

(Nguồn tham khảo: https://luatvietnam.vn)

III. Nghị định 18/2021/NĐ-CP sửa Nghị định 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

Chính phủ ban hành Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/4/2021.

1. Không còn giới hạn giá trị tối đa để được miễn thuế đối với quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo

Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về định mức miễn thuế đối với loại quà biếu, quà tặng thuộc điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP như sau:

"*Đối với quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cơ quan, tổ chức Việt Nam được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động theo pháp luật về ngân sách và được cơ quan có thẩm quyền cho phép tiếp nhận hoặc quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo, từ thiện là toàn bộ trị giá của quà biếu, quà tặng và không quá 04 lần/năm*".

Quy định mới đã **bỏ** điều kiện "… **có trị giá hải quan không vượt quá 30.000.000 đồng**" khi xem xét miễn thuế cho quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo, từ thiện.

2. Miễn thuế cho hàng hóa xuất nhập khẩu theo điều ước quốc tế từ 25/4/2021

NĐ số 18/2021/NĐ-CP đã quy định bổ sung Điều 29a về miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế vào Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu gồm:

– Chủng loại, định lượng hàng hóa được quy định tại điều ước quốc tế.

– Văn bản xác nhận của cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan quản lý chuyên ngành trong trường hợp điều ước quốc tế không quy định chủng loại, định lượng miễn thuế. Trường hợp cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế không phải là cơ quan quản lý chuyên ngành thì căn cứ theo văn bản xác nhận của cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế.

Bên cạnh đó, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP cũng quy định thủ tục xác nhận trong trường hợp điều ước quốc tế không quy định chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế, cụ thể như sau:

- Tổ chức, cá nhân sử dụng hàng hóa miễn thuế có công văn đề nghị cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan quản lý chuyên ngành xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn đề nghị, cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan quản lý chuyên ngành có văn bản xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu gửi tổ chức, cá nhân hoặc có văn bản từ chối trong trường hợp hàng hóa đề nghị miễn thuế không phù hợp với điều ước quốc tế.

3. **Sửa đổi quy định về hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất**

Điểm a khoản 1 Điều 34 NĐ số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"*Điều 34. Hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất*

1. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu, gồm:

a) Hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài bao gồm xuất khẩu trả lại chủ hàng, xuất khẩu hàng hóa đã nhập khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan để sử dụng trong khu phi thuế quan.

Việc tái xuất hàng hóa phải được thực hiện bởi người nhập khẩu ban đầu hoặc người được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu."

4. **Bổ sung 02 trường hợp không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định bổ sung Điều 37a vào Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Trong đó đưa ra các trường hợp không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, bao gồm:

- Không thu thuế đối với hàng hóa thuộc đối tượng hoàn thuế nhưng chưa nộp thuế theo quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Nghị định này.
- Không thu thuế đối với hàng hóa không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu quy định tại Điều 33, Điều 34 Nghị định này.

Để được áp dụng không thu thuế, người nộp thuế cần chuẩn bị hồ sơ bao gồm: 01 bản chính công văn yêu cầu không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo các tiêu chí thông tin tại Mẫu số 02 Phụ lục VIIa hoặc công văn yêu cầu không thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu số 09a Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37a, ngoài công văn yêu cầu không thu thuế, người nộp thuế nộp hồ sơ tương tự như hồ sơ hoàn thuế.

Thời điểm nộp hồ sơ không thu thuế: Người nộp thuế nộp hồ sơ không thu thuế cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan hoặc sau khi hàng hóa đã thông quan

(Nguồn tham khảo:https://vksndtc.gov.vn)

B. QUYẾT ĐỊNH

I. Quyết định 406/QĐ-TTg Danh mục dịch vụ công trực tuyến năm 2021

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 406/QĐ-TTg Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2021.

Trong danh mục dịch vụ công trực tuyến cần sớm được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2021, 11 dịch vụ thuộc nhóm dịch vụ công thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư như:

- Cấp, cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân;
- Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân;

- Đăng ký thường trú;
- Đăng ký tạm trú;
- Khai báo tạm vắng;
- Thông báo lưu trú;
- Liên thông đăng ký khai sinh-đăng ký thường trú-cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Cấp hộ chiếu phổ thông…

Bên cạnh đó, danh mục mới ban hành có **44 dịch vụ** thuộc nhóm dịch vụ công trực tuyến thiết yếu theo đánh giá Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, đó là các dịch vụ như:

- Gia hạn tạm trú, cấp thị thực cho người nước ngoài tại Việt Nam;
- Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ;
- Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng;
- Đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng; Đăng ký tuyển sinh đầu cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông);
- Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy;
- Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp;
- Kê khai thuế cá nhân;
- Nộp thuế, lệ phí trước bạ (cá nhân, doanh nghiệp);
- Thanh toán học phí;
- Thanh toán viện phí…

Trong danh mục dịch vụ công trực tuyến cần sớm tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2021, có 48 dịch vụ mức độ 4.

Ngoài những dịch vụ công trực tuyến phê duyệt nêu trên, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của bộ, ngành, địa phương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt danh mục, lộ trình, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2021 đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Nghị quyết 01 ngày 1/1/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021..

Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu, cải thiện trải nghiệm người dùng theo hướng phát triển ứng dụng trên thiết bị di động của Cổng Dịch vụ công Quốc gia giúp người dân chỉ cần sử dụng một ứng dụng có thể kết nối, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương, cũng như cung cấp các thư viện để các ứng dụng khác của bộ, ngành, địa phương có thể tích hợp, kết nối tạo nhiều tiện ích hơn cho người dân, doanh nghiệp; triển khai thí điểm giải pháp xác thực tiên tiến khác như xác thực qua chữ ký số được tích hợp trong ứng dụng trên thiết bị di động để phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia làm cơ sở để triển khai nhân rộng, đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ, kỹ thuật.

(Nguồn tham khảo: http://baochinhphu.vn)

II. Quyết định 1666/QĐ-BHXH ban hành Mẫu thẻ bảo hiểm y tế

Từ 01/4/2021, sử dụng thống nhất trên cả nước mẫu thẻ BHYT mới. Ngày 03/12/2020, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã ra Quyết định 1666/QĐ-BHXH về việc ban hành Mẫu thẻ bảo hiểm y tế.

Theo đó, Quyết định 1666/QĐ-BHXH ban hành mẫu thẻ Bảo hiểm y tế (BHYT) sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước. Cụ thể, phôi thẻ BHYT có kích thước, chất liệu và hình thức như sau:

- Kích thước: chiều dài 85,60 mm, rộng 53,98 mm, theo khung viền mép ngoài của thẻ;

- Chất liệu: sử dụng giấy trắng định lượng 180g/m2, đảm bảo độ bền, độ bóng;
- Hình thức: nền màu trắng, ở giữa in mờ logo biểu tượng Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam màu xanh cô ban với những vòng tròn xung quanh lan tỏa, màu sắc giảm dần, khoảng cách từ tâm biểu tượng BHXH Việt Nam đến vòng tròn ngoài cùng là 14 mm; bên ngoài có khung viền nét đôi màu xanh cô ban.

Lưu ý: Phôi thẻ BHYT đã in theo quy định tại Quyết định 1313/QĐ-BHXH ngày 02/12/2014 chưa sử dụng hết đến thời điểm Quyết định 1666/QĐ-BHXH có hiệu lực thi hành, được tiếp tục sử dụng cấp cho các đối tượng tham gia BHYT.

Trong thời gian chờ đổi thẻ BHYT theo quy định tại Quyết định 1666/QĐ-BHXH, thẻ BHYT đã cấp cho người tham gia BHYT còn thời hạn sử dụng thì tiếp tục được dùng để khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/4/2021.

(Nguồn tham khảo:https://hoatieu.vn)

III. Quyết định 10/2021/QĐ-TTg tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao

Quyết định 10/2021/QĐ-TTg vừa được Thủ tướng ký ban hành ngày 16/3/2021 và có hiệu lực từ ngày 30/4, sẽ quy định cụ thể 3 tiêu chí để xác định doanh nghiệp công nghệ cao.Theo đó, doanh nghiệp công nghệ cao phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 18 Luật Công nghệ cao được sửa đổi, bổ sung tại Điều 75 của Luật Đầu tư 2014 và khoản 3 Điều 76 Luật Đầu tư 2020, đồng thời đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao phải đạt **ít nhất 70%** trong tổng doanh thu thuần hằng năm của doanh nghiệp.

2. Tỷ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp trên giá trị của tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào (bao gồm giá trị nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ sản xuất nhập khẩu và mua nội địa) hàng năm đạt mức nhất định tùy vào quy mô và doanh thu.

Trong đó, doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ 6.000 tỷ đồng và tổng lao động từ 3.000 người trở lên phải đạt ít nhất 0,5%; doanh nghiệp không thuộc trường hợp trên, có tổng nguồn vốn từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên phải đạt ít nhất 1%; doanh nghiệp còn lại phải đạt ít nhất 2%.

3. Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên của doanh nghiệp (là số lao động đã ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 năm trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn, trong đó lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30%) trên tổng số lao động đạt các mức nhất định...

Cụ thể, doanh nghiệp có tổng nguồn vốn từ 6.000 tỷ đồng và tổng số lao động từ 3.000 người trở lên phải đạt ít nhất 1%; doanh nghiệp không thuộc trường trên, có tổng nguồn vốn từ 100 tỷ đồng và tổng số lao động từ 200 người trở lên phải đạt ít nhất 2,5%; đối với doanh nghiệp còn lại phải đạt ít nhất 5%.

Doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao trước ngày 30/4/2021 mà chưa được cấp thì thực hiện theo tiêu chí quy định tại Quyết định 10/2021/QĐ-TTg.

Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 30/4/2021 và thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015.

(Nguồn tham khảo:https:/doanhnhanvn.vn)

C. THÔNG TƯ

I. Thông tư 30/2020/TT-BYT hướng dẫn Nghị định 146/2018 về Bảo hiểm y tế

Đây là nội dung được nêu tại Thông tư 30/2020/TT-BYT hướng dẫn Nghị định 146/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế. Cụ thể, Thông tư 30 quy định 0**8** trường hợp khám chữa bệnh (KCB) BHYT đúng tuyến bao gồm:

- Đến KCB đúng cơ sở KCB ban đầu ghi trên thẻ BHYT
- Thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện đi KCB tại trạm y tế tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện khác trong cùng địa bàn tỉnh. Trường hợp trẻ em chưa có thẻ BHYT do chưa làm thủ tục khai sinh được sử dụng giấy chứng sinh đi KCB.
- Đi cấp cứu.
- Được chuyển tuyến KCB BHYT theo quy định, bao gồm:

– Được chuyển tuyến theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015.

– Được chuyển tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018.

– Được chuyển tuyến theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 04/2016/TT-BYT ngày 26/2/2016.

- Có giấy tờ chứng minh đang ở tại địa phương khác trong thời gian đi công tác, làm việc lưu động, học tập trung theo các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo, tạm trú và KCB ban đầu tại cơ sở KCB cùng tuyến hoặc tương đương với cơ sở đăng ký KCB ban đầu ghi trên thẻ BHYT.
- Người có giấy hẹn khám lại trong trường hợp đã được chuyển tuyến
- Người đã hiến bộ phận cơ thể của mình phải điều trị ngay sau khi hiến bộ phận cơ thể.
- Trẻ sơ sinh phải điều trị ngay sau khi sinh ra.

(Hiện hành Điều 11 Thông tư 40/2015/TT-BYT chỉ quy định 5 trường hợp).

(Nguồn tham khảo: http://thuvienphapluat.vn)

II. Thông tư 03/2021/TT-BTC miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với doanh nghiệp khoa học, công nghệ

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTC hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP. Theo đó, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo cho một số đối tượng.

Doanh nghiệp khoa học công nghệ (KHCN) được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện sau: được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN; doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KHCN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

Ngoài ra, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện tiếp sau: Doanh thu được tạo ra từ dịch vụ có ứng dụng kết quả KHCN trong lĩnh vực công nghệ thông tin là doanh thu từ dịch vụ mới, không bao gồm các dịch vụ đã có trên thị trường; doanh nghiệp KHCN phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KHCN trong kỳ để được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KHCN được hưởng

ưu đãi thuế TNDN thực hiện phân bổ theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12.

Để được hưởng ưu đãi thuế TNDN, doanh nghiệp KHCN phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.Mức và thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN được thông tư quy định rõ như sau: Doanh nghiệp KHCN được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp KHCN được tính liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN thì năm đầu tiên tính thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Trong thời gian đang được ưu đãi miễn thuế, giảm thuế TNDN, nếu năm nào doanh nghiệp KHCN không đáp ứng điều kiện về doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả KHCN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu năm của doanh nghiệp thì năm đó doanh nghiệp KHCN không được hưởng ưu đãi và được tính trừ vào thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN của doanh nghiệp KHCN.

Trường hợp doanh nghiệp KHCN đã có thu nhập chịu thuế nhưng thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế của năm đầu tiên dưới 12 tháng thì doanh nghiệp KHCN được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế ngay trong năm đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế vào năm tiếp theo. Nếu doanh nghiệp đăng ký để miễn thuế, giảm thuế vào năm tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp của năm đầu tiên đã có thu nhập chịu thuế để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế TNDN và quản lý thuế.

Doanh nghiệp KHCN tự xác định số thuế TNDN được ưu đãi và kê khai vào Bảng kê ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp KHCN kèm theo thông tư này. Bảng kê ưu đãi thuế TNDN được gửi kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN hàng năm.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 1/3/2021./.

(Nguồn tham khảo:http://thoibaotaichinhvietnam.vn)